SỞ Y TẾ
Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

Số: 1651BC- SYT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

BÁO CÁO THỐNG KÊ TAI NẠN, THƯƠNG TÍCH 9 THÁNG NĂM 2015

Stt	Nội dung tổng hợp và phân loại TNTT	Tổng chung				0-4 tuổi				5-14 tuổi				15-19 tuổi				20-60 tuổi				Trên 60 tuổi			
				Nữ				Nữ				Nữ				Nữ				Nữ				Nữ	
		Mắc	Chết	Mắc	Chết	Mắc	Chết	Mắc	Chết	Mắc	Chết	Mắc	Chết	Mắc	Chết	Mắc	Chết	Mắc	Chết	Mắc	Chết	Mắc	Chết	Mắc	Chết
1	Số người bị TNTT	25734	72	7592	12	1337	1	441	0	2403	2	710	0	4810	5	1403	1	15874	54	4519	9	1310	7	519	2
2	**Nghề nghiệp**	7653	15	1784	2	415	0	129	0	733	1	240	0	1124	0	205	0	4973	12	1031	0	408	2	179	2
	Cán bộ CC	2080	7	471	1	0	0	0	0	0	0	0	0	45	0	31	0	296	0	66	0	22	0	0	0
	Nông dân	3249	19	810	2	0	0	0	0	0	0	0	0	438	0	74	0	1350	4	316	0	235	2	106	0
	Bộ đội, công an	75	2	6	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	34	2	1	0	2	0	0	0
	Học sinh, sinh viên	4473	5	1443	0	372	0	97	0	1816	1	550	0	1678	3	506	0	336	2	123	0	1	0	0	0
	Công nhân, thợ thủ công	4921	9	1335	1	0	0	0	0	131	0	2	0	740	1	212	0	3547	7	985	0	5	0	0	0
	Lao động tự do	3405	14	1108	1	49	0	22	0	32	0	1	0	637	0	296	0	1689	10	511	0	175	0	86	0
	Nghề khác	7531	16	2486	7	965	1	344	0	440	1	157	0	1260	0	586	1	3876	6	1278	3	679	3	259	2
3	**Địa điểm xảy ra**	19004	59	5322	9	900	1	328	0	1847	2	577	0	3699	4	1029	1	11569	46	3009	6	989	6	379	2
	Trên đường đi	7662	25	2268	11	252	1	74	0	803	1	258	0	2421	5	984	1	8016	44	2167	8	503	7	176	0
	Tại nhà	4942	4	1886	1	775	0	231	0	889	0	255	0	791	0	593	0	3672	5	1263	1	528	0	269	0
	Trường học	1036	0	361	0	130	0	30	0	288	0	95	0	352	0	168	0	283	0	78	0	10	0	4	0
	Nơi làm việc	1725	2	301	0	0	0	0	0	6	0	1	0	214	0	56	0	2243	3	471	0	28	0	5	0
	Nơi công cộng	1875	1	467	0	163	0	62	0	328	1	75	0	845	0	253	0	1414	1	419	0	177	0	49	0
	Hồ ao, sông	54	4	15	0	5	0	0	0	7	0	4	0	14	1	245	0	255	2	1	0	1	0	1	0
	Khác	1170	3	378	0	12	0	3	0	82	0	22	0	181	0	85	0	331	3	120	0	63	0	15	0
4	Bộ phận bị thương theo ICD10	19004	59	5322	9	900	1	328	0	1847	2	577	0	3699	4	1029	1	11569	46	3009	6	989	6	379	2
	Đầu, mặt, cổ (S00-S19)	6407	33	1654	6	430	1	122	0	708	1	228	0	1239	3	365	1	3738	25	883	0	292	5	85	0
	Thân mình (S30-S39)	3899	5	1180	0	118	0	30	0	251	0	89	0	636	1	204	0	2727	4	770	0	174	0	76	0
	Chi (S40-S99)	9254	0	2634	2	466	0	154	0	959	0	290	0	1392	0	425	0	5957	0	1571	0	473	0	194	0
	Đa chấn thương (T00-T07)	3889	30	1230	3	264	0	66	0	290	0	59	0	907	1	273	0	1971	25	932	1	242	2	90	0

	Khác	2285	4	853	1	63	0	29	0	195	0	40	0	609	0	162	0	1288	3	550	0	132	0	74	0
5	Nguyên nhân theo ICD10	19004	59	5322	9	900	1	328	0	1847	2	577	0	3699	4	1029	1	11569	46	3009	6	989	6	379	2
	Tai nạn giao thông (V01-V99)	11348	50	3199	9	291	1	86	0	800	1	222	0	2126	3	641	1	7521	41	2126	8	539	7	199	0
	Tai nạn lao động (W20-W64)	2976	2	565	0	15	0	0	0	63	0	17	0	347	0	138	0	2442	2	439	0	67	0	22	0
	Súc vật, động vật: cắn, đốt, húc (W50-W64)	270	0	77	0	219	0	5	0	38	0	18	0	76	0	25	0	117	0	31	0	17	0	5	0
	Ngã (W01-W19)	1924	0	620	0	147	0	107	0	425	0	86	0	206	0	89	0	701	0	204	0	207	0	102	0
	Đuối nước(W65-W84)	37	3	9	0	45	0	0	0	3	0	31	0	32	1	5	0	9	2	1	0	15	0	4	0
	Bỏng(W85-W99,X00-X19)	295	1	60	0	49	0	34	0	46	0	12	0	17	0	7	0	133	1	47	0	8	0	0	0
	Ngộ độc: hoá chất, thực phẩm, động vật, thực vật có độc (X25-X29,X40-X49)	57	1	26	0	0	0	0	0	5	0	5	0	2	0	0	0	30	1	16	0	8	0	3	0
	Tự tử(X60-X84)	458	5	250	1	0	0	0	0	6	0	3	0	82	0	42	0	380	5	207	1	9	0	0	0
	Bạo lực, xung đột (X85-Y09)	2195	6	600	0	3	0	3	0	105	0	27	0	294	1	94	0	1740	5	468	0	53	0	8	0
	Khác	6158	3	2155	2	289	0	169	0	909	0	291	0	1628	0	516	0	2674	3	967	0	389	0	176	0
6	Diễn biến sau bị thương	7466	15	1753	2	399	0	135	0	694	1	243	0	1139	0	203	0	4838	12	1011	0	396	2	161	2
	Điều trị tại nhà	595	4	59	0	4	0	1	0	22	0	8	0	222	0	20	0	301	4	25	0	45	0	4	0
	Đội sơ cấp cứu của các Hội	0	0	0	0	0	0	6	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Cơ sở khám chữa bệnh tư nhân	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Trạm xá xã	548	0	145	0	25	0	10	0	196	0	70	0	284	0	76	0	745	7	205	0	81	0	27	0
	TTYT Huyện, Bệnh viện Huyện	6331	10	1642	2	404	0	139	0	568	1	188	0	512	0	126	0	3979	0	874	0	307	2	150	2
	BV Tỉnh	17397	54	5640	10	597	1	292	0	1552	1	439	0	3539	5	1157	1	10361	45	3362	9	845	5	312	0
	BV Trung ương	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Khác	676	1	75	0	10	0	5	0	26	0	8	0	267	0	22	0	355	1	32	0	20	0	8	0

Vũng Tàu, ngày 15 tháng 10 năm 2015

Thủ Trưởng đơn vị

KT. GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ

Phạm Minh An